

**CÔNG TY CP DU LỊCH VÀ XUẤT NHẬP KHẨU
LẠNG SƠN**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025



CÔNG TY CP DU LỊCH VÀ XUẤT NHẬP KHẨU LẠNG SƠN

Địa chỉ: Số 1A, đường Nguyễn Thái Học, Phường Lương Văn Tri, Tỉnh Lạng Sơn, Việt Nam

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	02
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	03 - 04
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	05 - 06
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	07
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	08
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	09 - 24

2022
CÔNG TY
NHIỆM VỤ
KIỂM TOÁN VÀ
VIỆT N
GIẤY -

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Chúng tôi, các thành viên Ban Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Du lịch và Xuất nhập khẩu Lạng Sơn (gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.

Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc điều hành Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 và đến ngày lập Báo cáo này, gồm:

Hội đồng quản trị

Bà Nguyễn Kim Thảo	Chủ tịch
Bà Vũ Mộng Nương	Thành viên
Ông Đậu Trường Sinh	Thành viên

Ban Tổng giám đốc

Ông Đậu Trường Sinh	Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Kim Thảo	Phó Tổng giám đốc

Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng giám đốc,

CÔNG TY CP DU LỊCH VÀ XUẤT NHẬP KHẨU LẠNG SƠN



Đậu Trường Sinh

Tổng Giám đốc

Lạng Sơn, ngày 23 tháng 3 năm 2026

Số : 2503.02-26/BC-TC/VAE

Hà Nội, ngày 25 tháng 3 năm 2026

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc
Công ty Cổ phần Du lịch và Xuất nhập khẩu Lạng Sơn

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Du lịch và Xuất nhập khẩu Lạng Sơn (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 23 tháng 3 năm 2026, từ trang 05 đến trang 24, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Ngày 02/01/2024, Công ty hạch toán giảm 7,5 tỷ đồng trên tài khoản tiền gửi ngân hàng, đồng thời hạch toán tăng tài khoản tiền mặt giá trị tương ứng. Ngày 26/01/2024, Công ty TNHH Thảo Viên thanh toán tiền lãi hợp tác đầu tư cho Công ty là 1.475.742.614 đồng qua tài khoản ngân hàng, đồng thời ngày 30/01/2024, Công ty hạch toán giảm 1,5 tỷ đồng trên tài khoản ngân hàng và hạch toán tăng tài khoản tiền mặt giá trị tương ứng. Số tiền này chủ yếu được duy trì ở quỹ tiền mặt cả năm 2024. Ngày 24/12/2024, 30/12/2024, Công ty TNHH Thảo Viên tiếp tục thanh toán tiền hợp tác đầu tư cho Công ty với giá trị lần lượt là 5,5 tỷ đồng và 10 tỷ đồng qua tài khoản ngân hàng, từ ngày 24/12/2024 đến 30/12/2024, Công ty đã sử dụng số tiền 15,5 tỷ đồng này để gửi tiết kiệm. Ngày 02/01/2025, Công ty rút 10,5 tỷ đồng tiền gửi tiết kiệm, đồng thời hạch toán tăng tài khoản tiền mặt với giá trị 10 tỷ đồng. Ngày 22/01/2025, Công ty hạch toán giảm 600 triệu đồng trên tài khoản ngân hàng và hạch toán tăng tài khoản tiền mặt giá trị tương ứng.



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

(tiếp theo)

Công ty tiếp tục duy trì quỹ tiền mặt đến ngày 05/3/2025, Từ ngày 05/3/2025, Công ty vẫn tiếp tục các giao dịch gửi tiết kiệm có kỳ hạn, rút tiền gửi tiết kiệm trước kỳ hạn; Rút, nộp tiền gửi ngân hàng, và duy trì quỹ tiền mặt bình quân trong năm 2025 là 19,6 tỷ đồng. Sang tháng 1/2026, Công ty tiếp tục giao dịch tất toán tiền tiết kiệm và rút về quỹ tiền mặt và ngược lại khoảng 9,5 tỷ đồng. Với những tài liệu Công ty cung cấp, Chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để đánh giá ảnh hưởng của các giao dịch nêu trên đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính năm 2025 của Công ty.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Ngô Bá Duy

Phó Tổng giám đốc - Giám đốc kiểm toán

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1107-2023-034-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM

Nguyễn Thị Thanh Xuân

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 6259-2023-034-1



Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			31/12/2025	01/01/2025
A TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		36.271.818.504	32.541.973.067
I Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1.	30.656.878.541	26.066.730.488
1 Tiền	111		11.856.878.541	9.566.730.488
2 Các khoản tương đương tiền	112		18.800.000.000	16.500.000.000
II Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		300.000.000	1.900.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2.	300.000.000	1.900.000.000
III Các khoản phải thu ngắn hạn	130		3.259.815.605	2.256.492.542
1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3.	1.512.083.000	630.399.000
2 Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4.	292.200.000	33.000.000
3 Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5.	1.455.532.605	1.593.093.542
IV Hàng tồn kho	140	V.6.	1.914.853.958	2.176.775.288
1 Hàng tồn kho	141		1.914.853.958	2.176.775.288
V Tài sản ngắn hạn khác	150		140.270.400	141.974.749
1 Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.10.	27.044.942	28.749.291
2 Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.13.	113.225.458	113.225.458
B TÀI SẢN DÀI HẠN	200		6.394.586.528	9.996.118.157
I Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II Tài sản cố định	220		2.835.132.368	3.865.774.424
1 Tài sản cố định hữu hình	221	V.8.	2.835.132.368	3.865.774.424
- Nguyên giá	222		26.605.592.005	26.605.592.005
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(23.770.459.637)	(22.739.817.581)
2 Tài sản cố định vô hình	227	V.7.	-	-
- Nguyên giá	228		97.500.000	97.500.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(97.500.000)	(97.500.000)
III Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV Tài sản dở dang dài hạn	240		46.296.296	25.000.000
1 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.9.	46.296.296	25.000.000
V Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI Tài sản dài hạn khác	260		3.513.157.864	6.105.343.733
1 Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10.	3.513.157.864	6.105.343.733
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		42.666.405.032	42.538.091.224

(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 24 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này.)

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

(tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			31/12/2025	01/01/2025
C NỢ PHẢI TRẢ	300		1.343.295.979	1.236.498.337
I Nợ ngắn hạn	310		1.343.295.979	1.236.498.337
1 Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11.	136.415.984	60.846.943
2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12.	-	18.000.000
3 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13.	576.541.998	341.294.339
4 Phải trả người lao động	314		149.984.419	141.979.235
5 Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.15.	85.151.516	217.575.758
6 Phải trả ngắn hạn khác	319	V.14.	82.852.471	82.852.471
7 Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		312.349.591	373.949.591
II Nợ dài hạn	330		-	-
D VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		41.323.109.053	41.301.592.887
I Vốn chủ sở hữu	410	V.16.	41.323.109.053	41.301.592.887
1 Vốn góp của chủ sở hữu	411		39.579.000.000	39.579.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		39.579.000.000	39.579.000.000
2 Quỹ đầu tư phát triển	418		2.590.124.234	2.590.124.234
3 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(846.015.181)	(867.531.347)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		(867.531.347)	(91.887.855)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		21.516.166	(775.643.492)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		42.666.405.032	42.538.091.224

Lạng Sơn, ngày 23 tháng 3 năm 2026

CÔNG TY CP DU LỊCH VÀ XUẤT NHẬP KHẨU LẠNG SƠN

Người lập biểu



Chu Thị Len

Kế toán trưởng



Chu Thị Len

Tổng Giám đốc



Đậu Trường Sinh

(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 24 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này.)

Mẫu số B 02 - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm 2025	Năm 2024
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1.	21.008.976.846	18.139.864.241
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		21.008.976.846	18.139.864.241
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2.	18.141.523.394	16.415.850.107
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		2.867.453.452	1.724.014.134
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3.	350.042.770	1.019.812.195
7. Chi phí tài chính	22		-	-
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25	VI.6.	83.007.914	48.790.387
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6.	3.085.341.400	3.038.302.643
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(25+26)}	30		49.146.908	(343.266.701)
11. Thu nhập khác	31	VI.4.	16.748.023	16.953.400
12. Chi phí khác	32	VI.5.	26.601.289	1.254.353.949
13. Lợi nhuận khác (40= 31-32)	40		(9.853.266)	(1.237.400.549)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		39.293.642	(1.580.667.250)
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.8.	17.777.476	-
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		21.516.166	(1.580.667.250)
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9.	5,44	(399,37)

Lạng Sơn, ngày 23 tháng 3 năm 2026

CÔNG TY CP DU LỊCH VÀ XUẤT NHẬP KHẨU LẠNG SƠN

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Chu Thị Len

Chu Thị Len

Đậu Trường Sinh

(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 24 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này.)

Mẫu số B 03 - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2025	Năm 2024
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		22.311.271.359	20.244.328.594
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(12.588.592.446)	(17.929.417.181)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(2.888.893.153)	(2.619.731.751)
4. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(17.777.476)	(145.317.821)
5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		2.002.917.707	3.018.360.861
6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(6.203.532.851)	(6.545.123.515)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		2.615.393.140	(3.976.900.813)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(21.296.296)	(25.000.000)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(10.500.000.000)	(3.600.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		12.100.000.000	2.569.253.000
4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	16.276.691.592
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		396.051.209	1.522.273.938
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		1.974.754.913	16.743.218.530
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(118.750.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-	(118.750.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		4.590.148.053	12.647.567.717
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		26.066.730.488	13.419.162.771
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	V.1	30.656.878.541	26.066.730.488

Lạng Sơn, ngày 23 tháng 3 năm 2026

CÔNG TY CP DU LỊCH VÀ XUẤT NHẬP KHẨU LẠNG SƠN

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Chu Thị Len

Chu Thị Len

Đào Trường Sinh

(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 24 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này.)

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)***I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp****1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Du lịch và Xuất nhập khẩu Lạng Sơn được chuyển đổi trên cơ sở cổ phần hoá Công ty Du lịch và Xuất nhập khẩu Lạng Sơn theo Quyết định số 1710/QĐ- UBND-KT ngày 26 tháng 8 năm 2005 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn. Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lạng Sơn cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần, mã số doanh nghiệp 4900101456, đăng ký lần đầu ngày 10/3/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 11/3/2024.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 14 ngày 05/8/2025 thì vốn điều lệ của Công ty là **39.579.000.000 đồng** (*Ba mươi chín tỷ, năm trăm bảy mươi chín triệu đồng chẵn*).

Cổ phiếu của Công ty được giao dịch trên thị trường UPCOM với mã giao dịch là DXL.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực Nhà hàng, khách sạn; Dịch vụ Du lịch lữ hành; Sản xuất rượu.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Đại lý du lịch;
- Điều hành tua du lịch;
- Chung, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh;
- Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Hoạt động y tế khác chưa được phân vào đâu;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu;
- Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi trường lao động, việc làm;
- Bán buôn thực phẩm.

Trụ sở Công ty tại: Số 1A, đường Nguyễn Thái Học, Phường Lương Văn Tri, Tỉnh Lạng Sơn, Việt Nam.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc doanh nghiệp

Các đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc:

Tên	Địa chỉ
Trung tâm điều hành hướng dẫn du lịch - Chi nhánh Công ty CP Du lịch và Xuất nhập khẩu Lạng Sơn	Số 1A, đường Nguyễn Thái Học, Phường Lương Văn Tri, Tỉnh Lạng Sơn, Việt Nam
Khách sạn Hoa Sim - Chi nhánh Công ty CP Du lịch và Xuất nhập khẩu Lạng Sơn	Số 1A, đường Nguyễn Thái Học, Phường Lương Văn Tri, Tỉnh Lạng Sơn, Việt Nam
Xí nghiệp Rượu Mẫu Sơn - Chi nhánh Công ty CP Du lịch và Xuất nhập khẩu Lạng Sơn	Số 126, đường Bắc Sơn, Phường Kỳ Lừa, Tỉnh Lạng Sơn, Việt Nam
Nhà hàng Nam Kai - Chi nhánh Công ty CP Du lịch và Xuất nhập khẩu Lạng Sơn (*)	Số 53 đường Lương Văn Chi, phường Kỳ Lừa, Tỉnh Lạng Sơn, Việt Nam

(*) Đã giải thể hoạt động kinh doanh của Nhà hàng Nam Kai - Chi nhánh Công ty CP Du lịch và Xuất nhập khẩu Lạng Sơn kể từ ngày 21/4/2025 theo Nghị quyết số 12/NQ-HĐQT ngày 15/4/2025 của Hội đồng quản trị Công ty CP Du lịch và Xuất nhập khẩu Lạng Sơn.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

6. Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các thông tin, dữ liệu, số liệu tương ứng trong Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 được trình bày là các thông tin, dữ liệu, số liệu mang tính so sánh.

7. Số lượng nhân viên

Số lượng nhân viên tại ngày 31/12/2025 là 41 người (Tại ngày 31/12/2024: 49 người).

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam ("VND"), hạch toán theo nguyên tắc giá gốc, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính của Công ty được lập và trình bày đảm bảo tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

1. Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng giám đốc số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn (không quá 3 tháng), có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

3. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Công ty là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng tổn thất đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn.

Dự phòng tổn thất đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

4. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.

- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, bản cam kết hợp đồng hoặc cam kết trả nợ mà doanh nghiệp đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu hồi được, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh (nếu có) để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền trong trường hợp là hàng hóa và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc năm tài chính.

6. Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ**6.1 Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu TSCĐ hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản khi các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai. Các chi phí phát sinh không thoả mãn được điều kiện trên được Công ty ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định hữu hình. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)***Loại tài sản cố định****Thời gian khấu hao (năm)**

Nhà cửa vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc, thiết bị	03 - 15
Phương tiện vận tải	05 - 08
Thiết bị, dụng cụ quản lý	06

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập thuần do thanh lý tài sản và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

6.2 Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chi tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định được bán thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm phần mềm quản lý

Chương trình phần mềm

Nguyên giá của phần mềm quản lý là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm quản lý được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 5 năm.

7. Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang của Công ty là chi phí sửa chữa Khách sạn Hoa Sim, được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

8. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ các khoản chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước là: công cụ, dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ, chi phí sửa chữa.

Công cụ dụng cụ: Các công cụ dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 36 tháng.

Chi phí sửa chữa: Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng không quá 3 năm,

9. Nguyên tắc kế toán các khoản nợ phải trả

Nợ phải trả là các khoản phải thanh toán cho nhà cung cấp và các đối tượng khác. Nợ phải trả bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác. Nợ phải trả không ghi nhận thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán. Việc phân loại các khoản nợ phải trả được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua.
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và kỳ hạn phải trả.

012022
CÔNG
CH NHIỆM
TOÁN VÀ
VIỆT N
S/ÁY -

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

10. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện là số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê địa điểm kinh doanh; được ghi nhận trên cơ sở hợp đồng thuê mặt bằng, chứng từ nhận tiền, hóa đơn.

11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận (lãi hoặc lỗ) từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm nay.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu bán rượu, cung cấp dịch vụ nhà hàng, khách sạn và du lịch.

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

13. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là tổng chi phí tài chính phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.



Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)***14. Các nghĩa vụ về thuế*****Thuế Giá trị gia tăng (GTGT)***

Công ty áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 17% trên lợi nhuận chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế tiêu thụ đặc biệt

Công ty áp dụng thuế suất thuế tiêu thụ đặc biệt 65% đối với sản phẩm rượu từ 20 độ cồn trở lên.

Thuế khác

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ khen thưởng phúc lợi và Quỹ thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm.

16. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên mật thiết trong gia đình của họ

17. Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận lĩnh vực kinh doanh) hoặc vào việc cung cấp sản phẩm dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo lĩnh vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Tổng giám đốc cho rằng hoạt động chính của Công ty là sản xuất kinh doanh cung cấp dịch vụ khách sạn và chủ yếu được phân phối trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn, Việt Nam. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 - Báo cáo bộ phận.

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Tiền	11.856.878.541	9.566.730.488
Tiền mặt	10.464.964.820	8.825.020.769
Tiền gửi ngân hàng	1.391.913.721	741.709.719

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Các khoản trong đương tiền	18.800.000.000	16.500.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Lạng Sơn (*)	8.800.000.000	16.500.000.000
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Lạng Sơn (**)	10.000.000.000	-
Cộng	30.656.878.541	26.066.730.488

(*) Các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn của ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Lạng Sơn với số tiền 8.800.000.000 đồng, lãi suất 4,5%/năm, kỳ hạn 1 đến 3 tháng, trả lãi cuối kỳ.

(**) Các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn của ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Lạng Sơn với số tiền 10.000.000.000 đồng, lãi suất 4,75%/năm, kỳ hạn 1 tháng, trả lãi cuối kỳ.

2. Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2025		01/01/2025	
	VND		VND	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn				
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Lạng Sơn (*)	300.000.000	300.000.000	1.900.000.000	1.900.000.000
Cộng	300.000.000	300.000.000	1.900.000.000	1.900.000.000

(*) Tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng, phương thức trả lãi cuối kỳ, lãi suất 4%/năm.

3. Phải thu của khách hàng

	31/12/2025		01/01/2025	
	VND		VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn				
Sở lao động thương binh Xã hội tỉnh Lạng Sơn	-	-	100.980.000	-
Công ty Bảo Minh Lạng Sơn	338.480.000	-	-	-
Ủy ban mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Lạng Sơn	165.780.000	-	-	-
Ban tuyên giáo tỉnh uỷ Lạng Sơn	-	-	44.850.000	-
Đoàn Nghệ Thuật Dân Tộc Tỉnh Lạng Sơn	-	-	72.550.000	-
Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Lạng Sơn	221.180.000	-	-	-
Các đối tượng khác	786.643.000	-	412.019.000	-
Cộng	1.512.083.000	-	630.399.000	-

4. Trả trước cho người bán

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Ngắn hạn		
Công ty CP Kiến Trúc và Xây Dựng D.O.O.R.W.A.Y.	259.200.000	-
Đối tượng khác	33.000.000	33.000.000
Cộng	292.200.000	33.000.000

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

5. Phải thu khác

	31/12/2025		01/01/2025	
	VND		VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn				
Phải thu khác	655.532.605	-	793.093.542	-
Thuế tiêu thụ đặc biệt nguyên liệu rượu đầu vào	655.532.605	-	747.085.103	-
Đối tượng khác	-	-	46.008.439	-
Ký cược, ký quỹ (*)	800.000.000	-	800.000.000	-
Cộng	1.455.532.605	-	1.593.093.542	-

(*) Ký quỹ các hợp đồng tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Lạng Sơn, kỳ hạn 12 tháng, lãi suất 4,2%/năm và 6,7%/năm.

b) Phải thu khác là bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VII.3

6. Hàng tồn kho

	31/12/2025		01/01/2025	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	1.473.651.350	-	1.719.871.727	-
Công cụ, dụng cụ	1.120.129	-	-	-
Thành phẩm	436.026.437	-	422.132.626	-
Hàng hóa	4.056.042	-	34.770.935	-
Cộng	1.914.853.958	-	2.176.775.288	-

7. Tăng, giảm Tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Phần mềm quản lý	Đơn vị tính: VND	
		Cộng	
Nguyên giá			
Số dư ngày 01/01/2025	97.500.000	97.500.000	
Số dư ngày 31/12/2025	97.500.000	97.500.000	
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư ngày 01/01/2025	97.500.000	97.500.000	
Số dư ngày 31/12/2025	97.500.000	97.500.000	
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/01/2025	-	-	
Tại ngày 31/12/2025	-	-	

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 97.500.000 VND (Tại ngày 31/12/2024 là: 97.500.000 đồng)

CÔNG TY CP DU LỊCH VÀ XUẤT NHẬP KHẨU LẠNG SƠN

Địa chỉ: Số 1A, đường Nguyễn Thái Học, Phường Lương Văn Tri, Tỉnh Lạng Sơn, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Đơn vị tính: VND	
					Cộng	
<i>Nguyên giá</i>						
Số dư ngày 01/01/2025	20.782.267.729	3.802.159.266	1.911.165.010	110.000.000		26.605.592.005
Số dư ngày 31/12/2025	20.782.267.729	3.802.159.266	1.911.165.010	110.000.000		26.605.592.005
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>						
Số dư ngày 01/01/2025	18.041.210.509	2.975.346.143	1.613.260.929	110.000.000		22.739.817.581
Khấu hao trong năm	688.527.240	209.712.996	132.401.820	-		1.030.642.056
Số dư ngày 31/12/2025	18.729.737.749	3.185.059.139	1.745.662.749	110.000.000		23.770.459.637
<i>Giá trị còn lại</i>						
Tại ngày 01/01/2025	2.741.057.220	826.813.123	297.904.081	-		3.865.774.424
Tại ngày 31/12/2025	2.052.529.980	617.100.127	165.502.261	-		2.835.132.368

Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 10.994.135.522 VND (Tại ngày 31/12/2024: 10.994.135.522 VND)



Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Công trình nhà hàng Hoa Sim	46.296.296	25.000.000
Cộng	46.296.296	25.000.000

10. Chi phí trả trước

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
<i>a) Ngắn hạn</i>	<i>27.044.942</i>	<i>28.749.291</i>
Công cụ, dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ	27.044.942	28.749.291
<i>b) Dài hạn</i>	<i>3.513.157.864</i>	<i>6.105.343.733</i>
Công cụ, dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ	649.023.689	1.099.400.155
Chi phí sửa chữa khách sạn Hoa Sim	2.742.715.255	4.320.526.403
Chi phí sửa chữa khác	121.418.920	685.417.175
Cộng	3.540.202.806	6.134.093.024

11. Phải trả người bán

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<i>Ngắn hạn</i>				
Công ty TNHH MTV Petrolimex Lạng Sơn	109.016.684	109.016.684	-	-
Chi nhánh xăng dầu Lạng Sơn	-	-	57.846.943	57.846.943
Đối tượng khác	27.399.300	27.399.300	3.000.000	3.000.000
Cộng	136.415.984	136.415.984	60.846.943	60.846.943

12. Người mua trả tiền trước

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
<i>Ngắn hạn</i>		
Sở Văn hoá thể thao và Du lịch tỉnh Lạng Sơn	-	18.000.000
Cộng	-	18.000.000

13. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	01/01/2025		31/12/2025	
	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm
<i>a) Phải nộp</i>				
Thuế GTGT đầu ra	290.128.474	1.396.273.512	1.159.949.069	526.452.917
Thuế tiêu thụ đặc biệt	49.028.577	445.466.479	447.499.130	46.995.926
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	17.777.476	17.777.476	-
Thuế thu nhập cá nhân	2.137.288	6.794.210	5.838.345	3.093.153

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	534.603.054	534.603.052	2
Các loại thuế khác	-	1.000.000	1.000.000	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	13.599.288	13.599.288	-
Cộng		341.294.339	2.415.514.019	2.180.266.360
				576.541.998

b) Phải thu

Thuế thu nhập doanh nghiệp	113.225.458	-	-	113.225.458
Cộng	113.225.458	-	-	113.225.458

14. Phải trả khác

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
<i>Ngắn hạn</i>		
Bảo hiểm xã hội	5.698.180	5.698.180
Nhận ký quỹ ký cược	30.000.000	30.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác.	47.154.291	47.154.291
Cộng	82.852.471	82.852.471

15. Doanh thu chưa thực hiện

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
<i>Ngắn hạn</i>		
Doanh thu cho thuê địa điểm kinh doanh	85.151.516	217.575.758
Cộng	85.151.516	217.575.758

16. Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Chỉ tiêu	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Đơn vị tính: VND
				Cộng
Số dư tại ngày 01/01/2024	39.579.000.000	3.395.147.734	(91.887.855)	42.882.259.879
Lỗi trong năm trước	-	-	(1.580.667.250)	(1.580.667.250)
Tăng khác	-	-	805.023.758	805.023.758
Giảm khác	-	(805.023.500)	-	(805.023.500)
Số dư tại ngày 31/12/2024	39.579.000.000	2.590.124.234	(867.531.347)	41.301.592.887
Lãi trong năm nay	-	-	21.516.166	21.516.166
Số dư tại ngày 31/12/2025	39.579.000.000	2.590.124.234	(846.015.181)	41.323.109.053

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Nguyễn Kim Thảo	7.843.010.000	7.843.010.000
Nguyễn Thị Tú Oanh	11.450.000.000	10.000.000.000

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Nguyễn Văn Thanh	7.031.930.000	7.031.930.000
Đậu Trường Sinh	5.580.420.000	4.500.420.000
Các cổ đông khác	7.673.640.000	10.203.640.000
Cộng	39.579.000.000	39.579.000.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	39.579.000.000	39.579.000.000
Vốn góp đầu năm	39.579.000.000	39.579.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	39.579.000.000	39.579.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

d) Cổ phiếu

	31/12/2025	01/01/2025
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	3.957.900	3.957.900
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	3.957.900	3.957.900
- Cổ phiếu phổ thông	3.957.900	3.957.900
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.957.900	3.957.900
- Cổ phiếu phổ thông	3.957.900	3.957.900
- Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/ cổ phiếu		

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
a) Doanh thu		
Doanh thu bán hàng	1.439.424.520	1.691.652.365
Doanh thu cung cấp dịch vụ	19.569.552.326	16.448.211.876
Cộng	21.008.976.846	18.139.864.241

b) Doanh thu đối với các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VII.3

2. Giá vốn hàng bán

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Giá vốn bán hàng	836.844.036	469.127.963
Giá vốn cung cấp dịch vụ	17.304.679.358	15.946.722.144
Cộng	18.141.523.394	16.415.850.107

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Lãi tiền gửi	350.042.770	92.539.763
Tiền thu từ hợp tác kinh doanh	-	927.272.432
Cộng	350.042.770	1.019.812.195

4. Thu nhập khác

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Thu nhập khác	16.748.023	16.953.400
Cộng	16.748.023	16.953.400

5. Chi phí khác

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Chi phí phạt thuế	13.599.288	325.518.626
Chi phí dự án ngừng triển khai	-	635.490.455
Xử lý hàng tồn kho bị hư hỏng	-	276.024.868
Chi phí khác	13.002.001	17.320.000
Cộng	26.601.289	1.254.353.949

6. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
a) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm	83.007.914	48.790.387
Chi phí nhân viên	68.317.673	48.790.387
Chi phí bằng tiền khác	14.690.241	-
b) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm	3.085.341.400	3.038.302.643
Chi phí nhân viên quản lý	2.178.900.527	1.890.054.477
Chi phí đồ dùng văn phòng	12.840.809	-
Chi phí khấu hao Tài sản cố định	132.401.820	162.288.316
Thuế, phí và lệ phí	16.428.878	19.428.876
Chi phí dịch vụ mua ngoài	490.071.096	721.480.093
Chi phí bằng tiền khác	254.698.270	245.050.881
Cộng	3.168.349.314	3.087.093.030

7. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	9.151.185.063	9.097.543.095
Chi phí nhân công	4.035.613.623	4.248.268.342
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.030.642.056	1.120.546.708
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.906.770.781	1.991.524.303
Chi phí khác bằng tiền	3.149.458.553	2.627.879.584
Cộng	20.273.670.076	19.085.762.032

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế thu nhập doanh nghiệp	39.293.642	(1.580.667.250)
Chi phí không được trừ khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp	-	276.024.868
Lỗ được chuyển và bù trừ lãi lỗ các hoạt động	(39.293.642)	-
Thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp	-	(1.304.642.382)
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	17%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	-	-
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	17.777.476	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp năm hiện hành	17.777.476	-

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	21.516.166	(1.580.667.250)
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	21.516.166	(1.580.667.250)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	3.957.900	3.957.900
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	5,44	(399,37)

Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm trong năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này. Do đó, lãi suy giảm trên cổ phiếu bằng với lãi cơ bản trên cổ phiếu.

VII. Những thông tin khác

1. Cam kết thuê hoạt động

Công ty ký các hợp đồng thuê đất với Nhà nước nhằm mục đích phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh tại các địa phương mà Công ty có cơ sở kinh doanh. Theo các hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo các quy định hiện hành.

2. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm

Ban Tổng giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Tổng giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khoá sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.

3. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: Các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

Danh sách các bên liên quan

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Nguyễn Kim Thảo	Chủ tịch HĐQT/ Phó Tổng giám đốc
Công ty TNHH Thảo Viên	Công ty mà bà Nguyễn Kim Thảo là Giám đốc
Vũ Mộng Nương	Thành viên HĐQT
Đậu Trường Sinh	Tổng Giám đốc/ Thành viên HĐQT



Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Lê Văn Do	Kế toán trưởng (Miễn nhiệm từ ngày 04/4/2025)
Chu Thị Len	Kế toán trưởng (Bổ nhiệm từ ngày 04/4/2025)
Đỗ Thu Huyền	Trưởng BKS
Bế Thị Thu Hương	Thành viên BKS
Nguyễn Mai Thương	Thành viên BKS

a) Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Công ty TNHH Thảo Viên	-	156.210.000
Thu tiền từ bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ		
Công ty TNHH Thảo Viên	-	171.831.000
Thu tiền từ hoạt động hợp tác đầu tư		
Công ty TNHH Thảo Viên	-	17.752.434.206

b) Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên chủ chốt được hưởng trong năm như sau:

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Lương của Ban Tổng giám đốc	337.130.075	277.415.781
Thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị	96.000.000	96.000.000
Thù lao của các thành viên Ban kiểm soát	57.600.000	57.600.000
Lương của kế toán trưởng	132.916.095	112.919.417
Cộng (*)	623.646.170	543.935.198

(*) Chi tiết thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt được hưởng trong năm như sau:

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Tiền lương của Ban Tổng giám đốc và người quản lý khác		
Đậu Trường Sinh Tổng giám đốc	182.977.290	155.715.622
Nguyễn Kim Thảo Phó Tổng giám đốc	154.152.785	121.700.159
Chu Thị Len Kế toán trưởng (Bổ nhiệm từ ngày 04/4/2025)	89.166.152	-
Lê Văn Do Kế toán trưởng (Miễn nhiệm từ ngày 04/4/2025)	43.749.943	112.919.417
Thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị		
Nguyễn Kim Thảo Chủ tịch	36.000.000	36.000.000
Vũ Mộng Nương Thành viên	30.000.000	30.000.000
Đậu Trường Sinh Thành viên	30.000.000	30.000.000
Thù lao của các thành viên Ban kiểm soát		
Đỗ Thu Huyền Trưởng ban	21.600.000	21.600.000
Bế Thị Thu Hương Thành viên	18.000.000	18.000.000
Nguyễn Mai Thương Thành viên	18.000.000	18.000.000
Cộng	623.646.170	543.935.198

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

4. Thông tin so sánh

Là số liệu được lấy từ Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 của Công ty Cổ phần Du lịch và Xuất nhập khẩu Lạng Sơn đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam.

Lạng Sơn, ngày 23 tháng 3 năm 2026

CÔNG TY CP DU LỊCH VÀ XUẤT NHẬP KHẨU LẠNG SƠN

Người lập biểu



Chu Thị Len

Người lập biểu



Chu Thị Len

Tổng Giám đốc



Đậu Trường Sinh

